

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Ngày 19/10/2021, Sở Tư pháp nhận được bản giấy hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum*" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết) được gửi kèm Công văn số 1916/SLĐTBXH-TGXHGN ngày 15/10/2021 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định tùy thuộc điều kiện kinh tế - xã hội tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cùng cấp quyết định: "*a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này; b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội*"; khoản 3 Điều 6 Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: "*Căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn bằng hoặc cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](#) ; xem xét quyết định đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](#) được hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trong đó có đối tượng người khuyết tật là thể hệ thứ ba của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học*"

Căn cứ các quy định trên, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội

đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết, phù hợp với quy định.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chưa quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng. Việc chưa quy định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng sẽ khó xác định được giới hạn các quan hệ xã hội mà văn bản tác động đến; không rõ đối tượng (ai) chịu sự tác động của văn bản. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham mưu quy định rõ phạm vi điều chỉnh, đối tượng tác động của văn bản. Theo quan điểm của Sở Tư pháp, cơ quan chủ trì soạn thảo nên tham mưu xây dựng 01 Điều (*Điều 1*) trong dự thảo để quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết

Về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; dự thảo đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; dự thảo không đặt ra các quy định trái với văn bản có giá trị pháp lý cao hơn, cơ bản thống nhất với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại một số nội dung sau:

3.1. Đề nghị bổ sung phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng với lý do đã được trình bày tại mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý ban hành văn bản là: “*Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [20/2021/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”.

3.3. Đề nghị biên tập lại tên gọi của văn bản như sau cho ngắn gọn: “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn khác được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”⁽¹⁾.

3.3. Đề nghị biên tập lại Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: “*Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội*” cho phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và khoản 3 Điều 6 Thông tư số

¹ Việc xác định cụ thể “*đối tượng khác*” là đối tượng chưa được quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, cơ quan chủ trì soạn thảo tham mưu quy định tại phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết.

02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

3.4. Tại phần Nơi nhận đề nghị xem xét loại bỏ cơ quan nhận văn bản là “*Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh*” vì cơ quan này hiện nay đã được tổ chức lại theo quy định.

3.5. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện việc đánh số thứ tự của dự thảo Quyết định theo đúng quy định tại Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽²⁾.

3.6. Sở Tư pháp nhận thấy mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh được dự kiến trong dự thảo Nghị quyết không thấp hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội đã được Chính phủ quy định. Tuy nhiên, mức chuẩn trợ giúp xã hội cụ thể; mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn khác chưa được Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định, đề nghị Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan, căn cứ vào thực tế của địa phương, khả năng đáp ứng của ngân sách để xác định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*Sở Tư pháp không thẩm định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội và đối tượng khó khăn khác*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đã được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Chương V, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ*) và Mẫu số 16. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (quy định trực tiếp) của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết. Tuy nhiên, qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy cơ quan chủ trì soạn thảo chưa tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết và các tài liệu có liên quan trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đăng tải toàn văn hồ sơ dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽³⁾.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

⁽²⁾ Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh số thứ tự của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, tham gia ý kiến đối với dự thảo... **Dự thảo 3** là dự thảo được gửi đến cơ quan thẩm định sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân... **Dự thảo 4** là dự thảo đã tiếp thu ý kiến thẩm định và trình Ủy ban nhân dân xem xét, ban hành quyết định.

³ Lưu ý, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 103 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) thì văn bản **vi phạm quy định về việc lấy ý kiến là văn bản trái pháp luật**.

Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020)*.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình *(trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định)*. Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020)*.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: “*Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội, đối tượng khó khăn chưa quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Kon Tum*”/.

Nơi nhận:

- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Lãnh đạo Sở;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT, XDKTr&TDTHPL/STP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Y Hòa